

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2021/HS-ST

Ngày 28 - 12 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Man và bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 155/2021/TLHS-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Đinh Công Đ, sinh năm 1983 tại Nam Định; nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã Y, huyện Y1, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Số nhà 503, ngõ 68, đường P, phường P, quận B, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH H; trình độ học vấn: Cử nhân; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Công Đ và bà Vũ Thị N; vợ: Nguyễn Thị Kim T (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 22 tháng 3 năm 2021 đến nay; có mặt.

Bị hại: Công ty TNHH H; địa chỉ trụ sở: Khu công nghiệp K, xã K, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Đại diện theo pháp luật: Ông W; chức vụ: Tổng Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T; chức vụ: Phó Tổng giám đốc; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty TNHH Đi Chung Transport H; địa chỉ trụ sở: Tầng 5, số 166 Phố H, phường N, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Hồng M; chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1980; địa chỉ: 17/92 N, phường Ng, quận L, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

2. Ông Đinh Công Đ1, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện Y1, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

3. Anh Lê Văn H, sinh năm 1988; địa chỉ: Phố Đ, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

4. Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm G, xã T, thành phố Th, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Phạm Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

6. Anh Trần Đình H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố L, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Hữu L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2019 đến tháng 10/2019, Đinh Công Đ là Trưởng phòng kinh doanh của Công ty TNHH H là công ty chuyên sản xuất và kinh doanh phân bón. Đ có nhiệm vụ tìm kiếm, phát triển đại lý mới, chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ việc ký kết hợp đồng, đơn đặt hàng với khách hàng, thu hồi công nợ khi được công ty ủy quyền. Trong quá trình làm việc, Đ đã dùng thủ đoạn lập không 02 đại lý mới tại tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Thanh Hoá để ký hợp đồng mua phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh của công ty, sau đó bán cho người khác để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Đ chỉ đạo anh Phạm Ngọc T là nhân viên kinh doanh Công ty TNHH H phụ trách tỉnh Thái Nguyên và anh Lê Văn H là nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH H phụ trách khu vực tỉnh Thanh Hóa cung cấp thông tin để Đ lập đại lý mới ở khu vực tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Thanh Hóa. Thực hiện chỉ đạo của Đ, anh T đã cung cấp thông tin về khách hàng Trịnh Quang Đ, sinh năm 1980, trú tại: Tổ dân phố N, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; anh H cung cấp thông tin về khách hàng Đoàn Thị T, sinh năm 1963, trú tại: Thôn 8, xã Q, huyện Q1, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 19/6/2019, sau khi có được thông tin về hai đại lý Trịnh Quang Đ và Đoàn Thị T, Đ cung cấp cho chị Nguyễn Phạm Q là nhân viên phụ trách bán hàng và kế toán của Công ty TNHH H để làm hợp đồng. Chị Q báo cho anh Nguyễn Xuân T (Phó tổng giám đốc Công ty TNHH H) về việc Đ báo cáo xin ký kết hợp đồng với 02 đại lý mới. Do tin tưởng Đ nên anh T đã đồng ý ký hợp đồng.

Đoàn gọi điện chỉ đạo T báo với Công ty TNHH H là đại lý Trịnh Quang Đ muốn mua 25 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh, Đ nói với T về việc số phân bón này Đ bán cho anh Trần Đình H là nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH H phụ trách khu vực tỉnh Nam Định và Ninh Bình. Nhận được chỉ đạo của Đ, T gọi điện thoại cho chị Q báo đại lý Trịnh Quang Đ muốn mua 25 tấn phân bón. Chị Q xin ý kiến Đ về việc xuất bán 25 tấn phân bón cho đại lý Trịnh Quang Đ thì Đ đồng ý. Chị Q báo cáo anh T thì anh T đồng ý bán cho đại lý Trịnh Quang Đ 25 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh với giá 143.750.000 đồng. Khi Đ báo chuyển tiền hàng, H đã chuyển tổng số tiền 143.750.000 đồng vào tài khoản cá nhân của T để thanh toán toàn bộ số tiền 25 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh. T lấy tên đại lý Trịnh Quang Đ chuyển vào số tài khoản 29004311010725 của Công ty TNHH H mở tại Ngân hàng Agribank số tiền 43.175.000 đồng để thanh toán trả trước 30% giá trị tiền hàng của 25 tấn phân bón theo quy định trên hợp đồng. Ngày 19/6/2019, Đ thuê anh Phạm Văn T lái

xe ô tô BKS: 35C-189.88 đến Công ty TNHH H chở 25 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh giao cho khách hàng của Trần Đình H.

Do có mục đích chiếm đoạt tiền của Công ty TNHH H để chi tiêu cá nhân nên sau khi giao phân bón cho khách hàng của H xong thì Đ bảo H chuyển tiền mua hàng cho Đ. Nhưng do H đã chuyển trả cho T toàn bộ tiền hàng rồi thì Đ bảo "Anh mua hàng của em thì phải chuyển trả cho em chứ". H đã gọi điện yêu cầu T chuyển trả lại tiền hàng để trả cho Đ. Ngày 21/6/2019, T chuyển lại số tiền 100.575.000 đồng tương ứng với 70% giá trị tiền hàng của 25 tấn phân bón vào số tài khoản 0901000123566 của Công ty TNHH Đầu tư và phát triển T mở tại Ngân hàng Vietcombank do Trần Đình H cung cấp với nội dung trả lại do chuyển nhầm. Sau khi nhận được tiền, H đã chuyển khoản vào số tài khoản 0030113456888 của Đ mở tại Ngân hàng MB Bank và trả trực tiếp bằng tiền mặt cho Đ tổng số tiền 100.575.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Đ sử dụng chi tiêu cá nhân hết mà không trả về Công ty TNHH H.

Ngày 21/6/2019, Đ chỉ đạo Lê Văn H gọi điện báo cáo Công ty TNHH H với nội dung đại lý Đoàn Thị T muốn mua 15 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh. Lê Văn H đã gọi điện cho chị Q báo đại lý Đoàn Thị T muốn mua 15 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh. Sau khi được sự nhất trí của lãnh đạo Công ty TNHH H về việc xuất bán 15 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh với giá 86.250.000 đồng cho đại lý Đoàn Thị T. Trần Đình H thuê anh Tống Văn N điều khiển xe ô tô BKS: 90C- 076.99 đến Công ty TNHH H nhận 15 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh rồi chở đi bán cho các đại lý. Sau khi nhận hàng xong, Trần Đình H đã chuyển khoản 55.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của Đình Công Đ và trực tiếp đưa 31.250.000 đồng tiền mặt cho Đ để thanh toán hết số tiền mua 15 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh. Sau khi nhận được tiền của H, Đ đã chuyển vào tài khoản cá nhân của H để H chuyển trả về cho Công ty TNHH H thanh toán giá trị tiền hàng của 15 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh Công ty TNHH H xuất bán ngày 21/6/2019.

Ngày 23/6/2019, Đ gọi điện chỉ đạo H báo với Công ty TNHH H là đại lý Đoàn Thị T muốn mua 40 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh. H gọi điện cho chị Q đặt mua thì chị Q báo công ty không còn đủ 40 tấn phân bón. Sau khi được H báo cáo lại, Đ trực tiếp báo với chị Q và anh T là đại lý Đoàn Thị T muốn mua tiếp phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh, chị Q trả lời công ty chỉ còn lại 27,75 tấn phân bón thì Đ đồng ý. Lợi dụng việc đại lý Đoàn Thị T vừa thanh toán hết toàn bộ số tiền hàng chuyển trước là 15 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh, Đ xin hoãn việc thanh toán trước 30% giá trị hợp đồng mua 27,75 tấn phân bón lần này theo quy định công ty thì được anh T, chị Q đồng ý. Sau đó, Đ thuê anh Nguyễn Hữu L lái xe ô tô BKS 36C-096.88 đến Công ty TNHH H nhận 27,75 tấn phân bón mang bán cho nhiều khách hàng của cá nhân Đ trên thị trường tỉnh Nam Định. Tổng số tiền 27,75 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh sau khi bán được là 159.562.500 đồng, Đ đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết mà không trả về Công ty TNHH H.

Ngày 24/6/2019, Đình Công Đ được Công ty TNHH H giao nhiệm vụ liên hệ, đối chiếu và thu hồi công nợ với khách hàng. Ngày 28/8/2019, Đ thu được của đại lý T ở thôn 2, xã Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên số tiền 50.000.000 đồng, nhưng Đ chỉ nộp về Công ty 20.000.000 đồng. Ngày 28/9/2019, Đ thu

được của đại lý Nguyễn Văn Đ ở xóm 8, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An số tiền 20.000.000 đồng, nhưng Đ lại báo với Công ty là không thu được nợ của khách hàng. Tổng số tiền 50.000.000 đồng (là tiền thu được của đại lý T 30.000.000 đồng và đại lý Nguyễn Văn Đ 20.000.000 đồng) Đ đã chi tiêu cá nhân hết. Đối với cả hai lần thu hồi nợ trên thì Đ đều chưa trả lại cho công ty. Tuy nhiên, Đ đã báo cáo anh Nguyễn Xuân T về việc đã thu được hết nợ của hai đại lý trên nhưng do đang cần tiền để chuẩn bị xây dựng gia đình nên giữ lại 50.000.000 đồng thì được anh T đồng ý.

* Vật chứng, tài sản thu giữ: 01 xe ô tô nhãn hiệu VINFAST màu trắng biển kiểm soát 30G-191.39; 01 giấy phép lái xe số 010199003396 mang tên Đinh Công Đ; 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô biển kiểm soát 30G-191.39; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 30G-191.39; 01 giấy biên nhận thẻ chấp số 08-0502-11.006/2019/BNTC-SHB- 111400 ngày 05/02/2020 của Ngân hàng SHB chi nhánh H - Hà Nội; 01 hợp đồng mua bán hàng hóa số 1311007/2019/HĐ-HT và Phụ lục hợp đồng số 1311007/2019/HĐ-HT; 01 bảng báo giá phân bón H 01 bảng theo dõi nợ phải thu của khách hàng năm 2019; 01 biên bản đối chiếu công nợ ngày 09/8/2019.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 03/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Hà Nam, kết luận: 52,75 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh vào thời điểm tháng 6/2019, trị giá: 303.312.500 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 39/PC09-TL ngày 24/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: Chữ ký đứng tên Đoàn Thị T và chữ viết nội dung "Đoàn Thị T" dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN B" trong Hợp đồng mua bán hàng hóa số 1311007/2019/HĐ-HT và Phụ lục hợp đồng số 1311007/2019/HĐ-HT; mục "XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG" trong Bảng báo giá phân bón H và Theo dõi nợ phải thu của khách hàng năm 2019; mục "ĐẠI DIỆN BÊN A" trong Biên bản đối chiếu công nợ ngày 09/8/2019 ký hiệu từ A1 đến A4 so với mẫu chữ ký, chữ viết của Đinh Công Đ trên tài liệu mẫu ký hiệu M5 đến M10 là do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản cáo trạng số 169/CT-VKS-PL ngày 10/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố Đinh Công Đ về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như đã nêu trong bản cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX): Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

+ Tuyên bố bị cáo Đinh Công Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Xử phạt bị cáo Đ từ 10 đến 11 năm tù. Thời gian được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 22/3/2021).

+ Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 174, Điều 35 Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 05 đến 10 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe mang tên Đinh Công Đ; Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án 01 Hợp đồng mua bán hàng hóa số

13110007/2019/HĐ-HT, 01 phụ lục hợp đồng số 13110007/2019/HĐ-HT, 01 bảng báo giá phân bón H, 01 biên bản đối chiếu công nợ và 01 bản theo dõi nợ phải thu của khách hàng năm 2019.

+ Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Đinh Công Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện theo ủy quyền của bị hại, ông Nguyễn Xuân T trình bày: Đinh Công Đ nguyên là Trưởng phòng kinh doanh của Công ty TNHH H, năm 2019 Đ đã dùng thủ đoạn gian dối, lập khống 02 hợp đồng mua bán hàng hóa mang tên các đại lý Trịnh Quang Đ và Đoàn Thị T để chiếm đoạt tài sản của Công ty là 52,75 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh, tổng giá trị tài sản là 331.137.500 đồng. Trong quá trình điều tra, ông Đinh Văn Đ1 (là bố đẻ của Đ) đã bồi thường toàn bộ số tiền trên cho Công ty nên Công ty không có yêu cầu gì về phần dân sự. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Về tội danh: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đinh Công Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đã nêu. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với bản kết luận định giá tài sản, bản kết luận giám định về chữ ký và chữ viết của cơ quan chuyên môn, phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được cơ quan điều tra thu thập. Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian tháng 6/2019, Đinh Công Đ là Trưởng phòng kinh doanh của Công ty TNHH H đã dùng thủ đoạn gian dối, lập khống 02 đại lý mang tên Trịnh Quang Đ và Đoàn Thị T để mua của Công ty TNHH H tổng số 52,75 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh, trị giá 303.312.500 đồng rồi bán ra thị trường bên ngoài; cụ thể: Ngày 19/6/2019 Đ sử dụng đại lý mang tên Trịnh Quang Đ mua 25 tấn phân bón rồi

bán cho anh Trần Đình H được 100.575.000 đồng; ngày 23/6/2019 Đ sử dụng đại lý mang tên Đoàn Thị T mua 27,75 tấn phân bón, sau đó bán ra thị trường do Đ phụ trách được 159.563.500 đồng. Tổng số tiền mà Đình Công Đ đã chiếm đoạt của Công ty TNHH H là 260.137.500 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Lý đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4] Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Để có tiền chi tiêu cá nhân, trong thời gian là trưởng phòng kinh doanh của Công ty TNHH H, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, lập khống 02 đại lý mang tên Trịnh Quang Đ và Đoàn Thị T, mục đích là mua hàng (phân bón) của Công ty TNHH H, sau đó bán ra thị trường để chiếm đoạt tiền hàng của Công ty. Trong thời gian từ ngày 19/6/2021 đến ngày 23/6/2021 bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là 52,27 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh của Công ty TNHH H, trị giá 303.312.500 đồng. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Song xét bị cáo không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo nên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo dùng thủ đoạn gian dối để lập khống 02 đại lý với Công ty TNHH H với mục đích lấy phân bón của Công ty bán ra thị trường bên ngoài để chiếm đoạt tiền. Do vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Song xét bị cáo hoàn cảnh khó khăn nên chỉ cần phạt bị cáo ở mức phù hợp. Phạt bị cáo 5.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

[5] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong thời gian bị tạm giam bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cho công ty TNHH H. Ngoài ra, quá trình điều tra và tại phiên tòa đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có công với cách mạng, ông nội được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì và có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến, bác ruột là Đình Công H, Đình Công H1 được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất và là đối tượng bị nhiễm chất độc hóa học, chú ruột có thời gian tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Từ ngày 19/6/2019 đến ngày 23/6/2019, bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH H, cả 02 lần đều đủ mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết

tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu VINFAST màu trắng đã qua sử dụng BKS 30G-191.39, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS 30G-191.39 (bản photo), 01 giấy chứng nhận kiểm định của xe ô tô BKS 30G-191.39, 01 giấy biên nhận thế chấp đề ngày 05/02/2020 của Ngân hàng SHB chi nhánh H - Hà Nội. Quá trình điều tra xác định xe ô tô và các giấy tờ nêu trên là tài sản, giấy tờ hợp pháp của Công ty TNHH Đi Chung Transport H, bị cáo Đ đã thuê xe ô tô của công ty để làm phương tiện đi lại. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam đã trả lại xe ô tô cùng toàn bộ các giấy tờ nêu trên cho anh Nguyễn Đức T là đại diện theo ủy quyền của công ty Đi Chung Transport H là phù hợp với pháp luật.

Đối với 01 giấy phép lái xe mang tên Đinh Công Đ là giấy tờ của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo;

Đối với 01 Hợp đồng mua bán hàng hóa số 13110007/2019/HĐ-HT; 01 phụ lục hợp đồng số 13110007/2019/HĐ-HT; 01 bảng báo giá phân bón H; 01 biên bản đối chiếu công nợ và 01 bản theo dõi nợ phải thu của khách hàng năm 2019. Đây là các giấy tờ, tài liệu gốc của Công ty TNHH H. Tại phiên tòa đại diện bị hại không yêu cầu trả lại các tài liệu trên nên cần tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bộ đề của bị cáo là ông Đinh Công Đ1 đã tự nguyện thay bị cáo bồi thường cho Công ty TNHH H số tiền 331.137.500 đồng. Đại diện Công ty đã nhận toàn bộ số tiền trên và không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về các tình tiết khác:

Đối với anh Phạm Ngọc T và anh Lê Văn H là những người cung cấp thông tin về đại lý Trịnh Quang Đ và Đoàn Thị T cho bị cáo Đ. Quá trình điều tra xác định anh T và anh H là nhân viên cấp dưới, chịu sự chỉ đạo của Đ. Bản thân anh T và anh H không biết và cũng không được hưởng lợi gì từ việc Đ dùng đại lý mình cung cấp mua phân bón của Công ty TNHH H bán cho người khác để chiếm đoạt tài sản; toàn bộ các thủ tục cung cấp thông tin làm hợp đồng mua hàng của các đại lý này với Công ty TNHH Hoa Tín đều do Đ thực hiện. Do đó, Phạm Ngọc T và Lê Văn H không đồng phạm với Đinh Công Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đối với Trần Đình H là người đã mua 40 tấn phân bón NPK 20-3-6 hạt mảnh của Công ty TNHH H, anh H không biết số phân bón trên là do Đ sử dụng danh nghĩa của các đại lý không ký hợp đồng mua bán hàng hóa với công ty TNHH H để lấy hàng bán cho anh, anh H cũng đã thanh toán đầy đủ số tiền hàng cho Đ là 230.000.000 đồng và không được hưởng lợi gì từ việc Đ chiếm đoạt số tiền hàng của Công ty nên không xử lý đối với anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng mà Đ đã trực tiếp đi thu hồi nợ của các đại lý T và Nguyễn Văn Đ nhưng không nộp về công ty. Quá trình điều tra xác định Đ đã trình bày với anh Nguyễn Xuân T là Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH H về việc đã sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân, chưa nộp trả về Công ty và

được anh T đồng ý. Vì vậy hành vi này của Đinh Công Đ không có dấu hiệu phạm tội.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 35; 38; 47; 50 Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ các Điều 106; 136; 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên bố: Bị cáo Đinh Công Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2/ Xử phạt: Bị cáo Đinh Công Đ 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 22/3/2021).

3/ Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với bị cáo Đinh Công Đ 5.000.000đ (năm triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

4/ Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số 010199003396 mang tên Đinh Công Đ.

- Tiếp tục lưu trong hồ sơ vụ án: 01 Hợp đồng mua bán hàng hóa số 13110007/2019/HĐ-HT; 01 phụ lục hợp đồng số 13110007/2019/HĐ-HT; 01 bảng báo giá phân bón H; 01 biên bản đối chiếu công nợ và 01 bản theo dõi nợ phải thu của khách hàng năm 2019.

5/ Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đinh Công Đ phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, đại diện bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND TP Phủ Lý;
- CQ CSĐT Công an TP Phủ Lý;
- CQ THAHS có thẩm quyền;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân